TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03/7/2018.
V/v tranh chấp ***"Ly hôn, nuôi con"***

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Lại Hiệp Phong.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Văn Hồng.

Bà Nguyễn Thị Ly.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 398/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Bảo C, sinh năm 1971; (có mặt).

Cư trú: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Trần Thị Bé B, sinh năm 1973; (có mặt).

Cư trú: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Bảo C trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Bé B tổ chức lễ cưới vào năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân do mai mối và được cha mẹ hai bên quyết định. Hai người sống hạnh phúc được 20 năm thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không còn sống chung khoảng 06 năm nay. Nay, nhận thấy tình cảm với bà Bé B không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà Bé B.

Về con chung: Có 03 (ba) con chung: Nguyễn Văn C, sinh năm 1993; Nguyễn Thanh S, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2000; Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2005. Hiện nay, cháu C, cháu S đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu N đang do ông chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu bà Bé B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị Bé B trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất theo lời trình bày của ông C về thời gian đám cưới cũng như nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn và thời gian hai người không sống chung với nhau. Hai người có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay, ông C yêu cầu ly hôn, bà đồng ý.

Về con chung: Có 03 (ba) con chung: Nguyễn Văn C, sinh năm 1993; Nguyễn Thanh S, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2000; Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2005. Hiện nay, cháu C, cháu S đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu N đang do ông C chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà đồng ý để ông C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Tại phiên tòa:

Ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bà Bé B đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông C, đồng ý để ông C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Ông C khởi kiện Bà bé B, bà B có nơi cư trú ấp N, xã N, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1]. Về hôn nhân: Ông C và bà Bé B có tổ chức lễ cưới vào năm 1992. Ông, bà có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm quy định "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như

vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng". Xét, không công nhận ông Nguyễn Bảo C và bà Trần Thị Bé B là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Ông C và bà Bé B xác định có 03 (ba) con chung: Nguyễn Văn C, sinh năm 1993; Nguyễn Thanh S, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2000; Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2005. Hiện nay, cháu C, cháu S đã thành niên và ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Đối với cháu N hiện đang do ông C chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông C, bà Bé B thỏa thuận ông C được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa hai người không trái quy định của pháp luật và phù hợp với nguyên vọng của cháu N. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của ông bà là phù hợp.

[3]. Về cấp dưỡng: Do ông C không yêu cầu bà Bé B cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Ông C và bà Bé B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[5]. Về nợ chung: Ông C và bà Bé B xác định không có, nên không đề cập đến.

Ghi nhận việc ông C và bà Bé B xác định hai người không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của hai người trong thời kỳ hôn nhân thì ông C và bà Bé B vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[6]. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bảo C đối với bà Trần Thị Bé B.

Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Bảo C và bà Trần Thị Bé B là vợ chồng.

Về con chung: Ông C và bà Bé B thống nhất Nguyễn Văn C, sinh năm 1993; Nguyễn Thanh S, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2000 đã thành niên và ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến; Ông C được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2005.

Ông C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Bé B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

Về án phí: Ông Nguyễn Bảo C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo biên lai số 0019712 ngày 30/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu./.

Lại Hiệp Phong